

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN THỚI LAI

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 103/2022/HNGĐ –ST

Ngày: 29 - 11 - 2022

V/v: Ly hôn và nuôi con chung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Đen

2/ Ông Nguyễn Văn Bé Ba

- Thư ký Tòa án - Ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa:

Ông **Bùi Văn Lư** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2022. Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022, Về việc: “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 615/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Mỹ D**, sinh năm 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Đông H A, xã Đông T, huyện T, thành phố C.

Bị đơn: Ông **Cao Chí L**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp Đông H A, xã Đông T, huyện T, thành phố C.

Con chung cần triệu tập:

1/ **Cao Thị Mỹ D**, sinh ngày 17/12/2008

2/ **Cao Chí T**, sinh ngày 16/9/2014

Địa chỉ: Cùng trú tại ấp Đông H A, xã Đông T, huyện T, thành phố C.

NỘI D VỤ ÁN:

Phía nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ D yêu cầu được ly hôn với ông Cao Chí L.

Bà Trương Thị Mỹ D (nguyên đơn) trình bày như sau: Bà và ông L kết hôn vào tháng 6 năm 2008 có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thuận vào ngày 29 tháng 9 năm 2008. Sau khi thành hôn thì bà và ông L về chung sống tại ấp Đông Hiến A, xã Đông Thuận, huyện Thới Lai. Đến tháng 6 năm 2022 thì bà và ông L ly thân nhau cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc ly thân là bà và ông L bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, chung sống không còn hạnh phúc. Trong quá trình chung sống thì bà và ông L có 02 con chung là Cao Thị Mỹ D, sinh ngày 17/12/2008 và Cao Chí T, sinh ngày 16/9/2014 do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng. Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà và ông L không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Cao Chí L (bị đơn) trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của D về thời điểm kết hôn, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, có 02 con chung, thời điểm ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc ly thân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm, do tính chất công việc của bà D phải về nhà muộn. Ngoài ra không còn mâu thuẫn nào khác. Nay ông xác định còn tình cảm vợ chồng với bà D, bà D xin ly hôn với ông thì ông không đồng ý ly hôn mà xin được đoàn tụ với bà D để nuôi dạy con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cao Thị Mỹ D và Cao Chí T có lời khai: Là con của cha Cao Chí L và mẹ là Trương Thị Mỹ D. Trường hợp cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được chung sống với mẹ là Trương Thị Mỹ D.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận toàn bộ (Có bài phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Mỹ D và ông Cao Chí L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thuận, huyện Cờ Đỏ (cũ) nay là huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bà D vẫn giữ quan điểm xin ly hôn với ông L. Ông L thì không đồng ý ly hôn với bà D mà xin được đoàn tụ với bà D. Vấn đề này thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng của bà D và ông L đã đến mức trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã hòa giải hàn gắn nhằm động viên cho bà D và ông L đoàn tụ nhưng không có kết quả. Đôi ông L vẫn không tự hàn gắn, đoàn tụ được với bà D. Xét đời sống chung của bà D và ông L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục chung sống không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Hội đồng xét xử nghĩ cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D mà bác yêu cầu

xin đoàn tụ của ông L. Cho bà Trương Thị Mỹ D ly hôn với ông Cao Chí L là đúng với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Bà Trương Thị Mỹ D có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Cao Thị Mỹ D và Cao Chí T, ông L đồng ý giao 02 con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, cần giao Cao Thị Mỹ D và Cao Chí T cho bà D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là đúng thực tế và cũng phù hợp với nguyện vọng của D và T.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng: Do bà D tại phiên tòa sơ thẩm xác định không có yêu cầu ông Cao Chí L phải cấp dưỡng nuôi con và ghi nhận trong bản án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà D và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà D và ông L khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Cần buộc bà Trương Thị Mỹ D chịu nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35,39, Khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị Mỹ D. Không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của ông Cao Chí L. Cho bà Trương Thị Mỹ D và ông Cao Chí L được ly hôn với nhau.

Về con chung: Giao Cao Thị Mỹ D, sinh ngày 17/12/2008 và Cao Chí T, sinh ngày 16/9/2014 cho bà Trương Thị Mỹ D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ông Cao Chí L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Cao Chí L được quyền lui tới thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có yêu cầu của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Bà D và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà D và ông L khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc bà Trương Thị Mỹ D chịu nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005656 ngày 10/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai thành tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm đã tuyên để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Thới Lai;
- Chi cục T.H.A DS huyện Thới Lai;
- UBND xã Đông Thuận;
- Đương sự;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Tuyên